|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2022/QĐ-UBND | *Bắc Giang, ngày  tháng   năm 2022* |

DỰ THẢO 2

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định một số nội dung về hoạt động đo đạc và bản đồ**

**trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đo đạc và bản đồ ngày 14 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số*[*27/2019/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-27-2019-nd-cp-huong-dan-luat-do-dac-va-ban-do-387695.aspx)*ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Nghị định số 18/2020/NĐ-CP ngày 11 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Nghị định số 136/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Thông tư số*[*25/2014/TT-BTNMT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-25-2014-tt-btnmt-ban-do-dia-chinh-236562.aspx)*ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính;*

*Căn cứ Thông tư số*[*02/2015/TT-BTNMT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-02-2015-tt-btnmt-huong-dan-nghi-dinh-43-2014-nd-cp-nghi-dinh-44-2014-nd-cp-266954.aspx)*ngày 27 tháng 01 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số*[*43/2014/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-43-2014-nd-cp-huong-dan-thi-hanh-luat-dat-dai-230680.aspx)*và Nghị định số*[*44/2014/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-44-2014-nd-cp-quy-dinh-ve-gia-dat-230632.aspx)*ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số*[*68/2015/TT-BTNMT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-68-2015-tt-btnmt-ky-thuat-do-dac-truc-tiep-dia-hinh-thanh-lap-ban-do-co-so-du-lieu-nen-dia-ly-300575.aspx)*ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000;*

*Căn cứ Thông tư số*[*49/2016/TT-BTNMT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-49-2016-tt-btnmt-cong-tac-giam-sat-kiem-tra-tham-dinh-cong-trinh-san-pham-dat-dai-340782.aspx)*ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số*[*33/2017/TT-BTNMT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-33-2017-tt-btnmt-huong-dan-nghi-dinh-01-2017-nd-cp-luat-dat-dai-340179.aspx)*ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số*[*01/2017/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/nghi-dinh-01-2017-nd-cp-sua-doi-nghi-dinh-huong-dan-luat-dat-dai-337031.aspx)*ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số*[*24/2018/TT-BTNMT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-24-2018-tt-btnmt-kiem-tra-tham-dinh-nghiem-thu-chat-luong-san-pham-do-dac-va-ban-do-403172.aspx)*ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm Đo đạc và bản đồ;*

*Căn cứ Thông tư số*[*19/2019/TT-BTNMT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-19-2019-tt-btnmt-quy-dinh-ky-thuat-noi-dung-va-ky-hieu-ban-do-dia-hinh-quoc-gia-431617.aspx)*ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia tỉ lệ 1:2.000, 1:5.000;*

*Căn cứ Thông tư số*[*12/2020/TT-BTNMT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-19-2019-tt-btnmt-quy-dinh-ky-thuat-noi-dung-va-ky-hieu-ban-do-dia-hinh-quoc-gia-431617.aspx)*ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về nội dung và ký hiệu bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000, 1:25.000;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số /TTr-STNMT ngày tháng năm 2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.**Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về hoạt động Đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

**Điều 2.**Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày … tháng … năm 2022.

**Điều 3.**Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, cơ thuộc UBND tỉnh, Cục Thuế tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 3;  - Văn phòng Chính phủ;  - Bộ Tài nguyên và Môi trường;  - Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp; - Thường trực Tỉnh ủy; - Thường trực HĐND tỉnh;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - Đoàn ĐBQH tỉnh; - Ủy ban MTTQVN tỉnh;  - Đài PTTH tỉnh;  - Cổng thông tin điện tử tỉnh  - Báo Bắc Giang;  - Công báo tỉnh;  - Sở Tư pháp;  - Trung tâm lưu trữ - Sở Nội vụ; - Các PCVP UBND tỉnh;  - Lưu: VT, KTTH, KTN(N). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Một số nội dung về hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số …./2022/QĐ-UBND ngày / /2022 của*

*Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**Chương I**

**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Quy định này quy định một số nội dung trong hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, trừ các hoạt động đo đạc và bản đồ chuyên ngành phục vụ mục đích an ninh, quốc phòng của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân.

2. Những nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước về đo đạc và bản đồ.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến đo đạc và bản đồ, quản lý, lưu trữ, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang; không áp dụng đối với các đơn vị thuộc lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân hoạt động đo đạc và bản đồ phục vụ mục đích quốc phòng, an ninh.

**Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân**

1. Quyền của các tổ chức, cá nhân

a) Tổ chức, cá nhân đủ điều kiện được thực hiện hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

b) Mọi tổ chức, cá nhân có quyền khai thác, sử dụng các sản phẩm đo đạc, bản đồ theo Quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

c) Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ tiên tiến vào lĩnh vực đo đạc và bản đồ trong phạm vi pháp luật cho phép.

2. Nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân

a) Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ giữ gìn, bảo vệ các công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ theo quy định của pháp luật.

b) Tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ trả chi phí kiểm tra và thẩm định sản phẩm hoặc lệ phí khi khai thác sử dụng sản phẩm đo đạc, bản đồ (nếu có) theo quy định của pháp luật.

c) Nghiêm cấm các hoạt động đo đạc và bản đồ gây hại hoặc có nguy cơ gây hại cho quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ,**

**SỬ DỤNG SẢN PHẨM ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

**Điều 4. Nguyên tắc về hoạt động đo đạc và bản đồ, sử dụng sản phẩm đo đạc và bản đồ**

1. Tổ chức phải có Giấy phép hoạt động, cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ do cơ quan có thẩm quyền cấp và đang còn hiệu lực mới được tham gia hoạt động đo đạc, thành lập bản đồ, xuất bản bản đồ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Các sản phẩm đo đạc và bản đồ trước khi sử dụng làm tài liệu, hồ sơ quản lý Nhà nước phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu và xác nhận theo quy định.

3. Bản đồ phải ghi rõ cơ sở pháp lý, cơ sở toán học, nguồn gốc xuất xứ, được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác nhận mới được lưu trữ, lưu hành sử dụng. Nếu xuất bản phải có giấy phép theo quy định của Luật Xuất bản.

Các loại bản đồ chưa có giấy phép xuất bản hoặc chưa được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc cho phép bằng văn bản thì không được sử dụng, phát hành hay niêm yết tại trụ sở hoặc nơi công cộng.

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thu hồi ấn phẩm không đảm bảo quy định nêu trên, đồng thời xử lý hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

**Điều 5. Các hoạt động đo đạc và bản đồ trong quy định này**

1. Bao gồm các hoạt động quy định tại khoản 1, 2, 3, 6, 7, 9, 10, 11 và 13 Điều 29 của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019.

2. Việc giao nộp lưu trữ, khai thác, cung cấp và quản lý thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ.

3. Cắm mốc địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, mốc quy hoạch sử dụng đất, mốc lộ giới giao thông, mốc giới giải phóng mặt bằng, mốc ranh giới thăm dò và khai thác tài nguyên khoáng sản, mốc ranh giới giao đất tại thực địa và mốc giới các công trình, dự án khác.

**Điều 6. Đo đạc, thành lập các loại bản đồ**

1. Cơ sở toán học

a) Thực hiện theo Điều 5 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 và Điều 5 của Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b) Những công trình đo đạc và bản đồ đã hoàn thành ở hệ quy chiếu và hệ toạ độ HN-72, hệ toạ độ tự do hoặc hệ tọa độ chuyên ngành khác phải chuyển kết quả cuối cùng sang hệ quy chiếu và hệ toạ độ VN-2000, kinh tuyến trục 107°00’, múi chiếu 3° trước khi đưa vào sử dụng.

2. Tỷ lệ bản đồ

Việc lựa chọn tỷ lệ bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng, bản đồ chuyên đề căn cứ theo yêu công việc cụ thể.

Việc lựa chọn tỷ lệ bản đồ địa chính phải đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

3. Nội dung bản đồ

a) Đo đạc, thành lập và biên tập nội dung bản đồ địa hình, bản đồ nền địa lý, bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên đề thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ, Cơ quan chuyên ngành.

b) Đo đạc thành lập, biên tập bản đồ địa chính

Nội dung trình bày bản đồ đối với các sản phẩm bản đồ địa chính theo quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Đối với trường hợp đo đạc chỉnh lý bản đồ địa chính để phục vụ đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; bồi thường, giải phóng mặt bằng; đấu giá quyền sử dụng đất và mục đích quản lý đất đai khác thì phải thể hiện trọn thửa đất có ảnh hưởng bởi chỉ giới dự án để thực hiện cập nhật, chỉnh lý hồ sơ, bản đồ địa chính.

c) Đối với bản đồ hiện trạng (là bản đồ chuyên ngành, phản ánh hiện trạng sử dụng đất tại thời điểm đo đạc, thể hiện cả nội dung địa chính và các yếu tố địa hình):

Đối với phương pháp đo vẽ trực tiếp hoặc công nghệ GNSS động (xử lý thời gian thực hoặc xử lý sau): Được áp dụng để đo vẽ bản đồ ở những nơi chưa có bản đồ địa chính.

Đối với phương pháp đo vẽ chỉnh lý, đo vẽ bổ sung từ bản đồ địa chính: Được áp dụng ở các khu vực đã có bản đồ địa chính cùng tỷ lệ hoặc lớn hơn tỷ lệ bản đồ cần đo vẽ (chỉ áp dụng đối với các trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất), khi thành lập được sử dụng bản đồ địa chính làm nền để chỉnh lý nội dung địa chính và đo vẽ bổ sung yếu tố địa hình.

Thể hiện ranh giới các thửa đất, chủ sử dụng đất; các chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có). Thế hiện chỉ giới thực hiện dự án để minh họa lập hồ sơ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Thể hiện nội dung địa chính theo Thông tư số [25/2014/TT-BTNMT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bat-dong-san/thong-tu-25-2014-tt-btnmt-ban-do-dia-chinh-236562.aspx) ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường: Chủ sử dụng đất (hoặc chủ đầu tư), địa điểm, ranh giới các thửa đất, loại đất; các chỉ giới về quy hoạch; ranh giới sử dụng đất theo các quyết định giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chỉ giới thực hiện dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

Thể hiện nội dung địa hình theo quy định tại Điều 30 Thông tư số [68/2015/TT-BTNMT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/thong-tu-68-2015-tt-btnmt-ky-thuat-do-dac-truc-tiep-dia-hinh-thanh-lap-ban-do-co-so-du-lieu-nen-dia-ly-300575.aspx) ngày 22/12/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Biên tập bản đồ

Ký hiệu và phân lớp được quy định tại các quy định ký hiệu bản đồ hiện hành; các ký hiệu cho công trình ngầm chưa được quy định cụ thể cần ghi chú rõ trên bản đồ, các lớp đối tượng công trình ngầm chưa có quy định cụ thể cần được phân lớp theo nhóm đối tượng có cùng tính chất, công dụng.

**Điều 7. Lập Thiết kế kỹ thuật-dự toán**

1. Nguyên tắc về việc lập thiết kế kỹ thuật - dự toán

a) Các công trình, dự án đo đạc và bản đồ phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán, trình cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 8 quy định này thẩm định, cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt trước khi thực hiện; việc lập dự toán kinh phí phải dựa trên đơn giá đo đạc và bản đồ do Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang và cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

b) Chủ đầu tư thuê đơn vị có đủ điều kiện và năng lực được Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ để lập thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ;

c) Đối với công trình, dự án đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước, việc phê duyệt dự toán kinh phí do chủ đầu tư quyết định.

2. Nội dung Thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc bản đồ địa chính theo quy định tại khoản 4 Điều 21 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Trường hợp trích đo địa chính thửa đất, chỉnh lý bản đồ địa chính không phải lập thiết kế kỹ thuật - dự toán nhưng phải lập Phương án thi công trình Sở Tài nguyên và Môi trường (hoặc được Sở Tài nguyên và Môi trường ủy quyền) thẩm định làm cơ sở cho cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt. Nội dung của phương án thi công theo quy định tại Khoản 5 điều 21 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bản đồ địa chính.

**Điều 8. Thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán**

1. Thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình Đo đạc và bản đồ

a) Công trình đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán các dự án, công trình đo đạc và bản đồ sử dụng nguồn vốn ngân sách do Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện) quyết định đầu tư.

Kết quả thẩm định là căn cứ để phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán và nghiệm thu thanh quyết toán công trình đo đạc và bản đồ theo quy định.

b) Công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thẩm định thiết kế kỹ thuật, Chủ đầu tư tự tổ chức thẩm định dự toán kinh phí.

2. Phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán công trình đo đạc và bản đồ

a) Đối với các công trình đo đạc và bản đồ thực hiện bằng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán do cơ quan quyết định đầu tư phê duyệt hoặc ủy quyền cho chủ đầu tư phê duyệt;

b) Các công trình đo đạc và bản đồ không sử dụng ngân sách nhà nước thì việc phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán thuộc thẩm quyền của chủ đầu tư.

**Điều 9. Kiểm tra và xác nhận sản phẩm bản đồ**

1. Quy trình kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu và xác nhận bản đồ địa chính, bản đồ địa hình, bản đồ hành chính và các loại bản đồ chuyên ngành khác được thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, thẩm định và xác nhận các sản phẩm bản đồ để sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, gồm:

a) Bản đồ địa hình, bản đồ hiện trạng các tỷ lệ nhằm phục vụ cho các mục đích: Xin cấp chỉ giới quy hoạch, lập quy hoạch tổng mặt bằng, quy hoạch khu vực đô thị, khu vực phát triển đô thị, khu chức năng đặc thù, khu vực cần lập quy hoạch phân khu và quy hoạch xây dựng nông thôn; công trình ngầm đô thị; cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải; thăm dò, khai thác khoáng sản, tài nguyên và môi trường; quy hoạch nông nghiệp, lâm nghiệp, giao thông, thủy lợi;

b) Bản đồ địa chính, trích đo, trích lục địa chính phục vụ công tác thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; bản đồ phục vụ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức, hộ gia đình cá nhân thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nông nghiệp để sử dụng vào mục phi nông nghiệp;

c) Bản đồ chuyên đề.

3. Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra và xác nhận các sản phẩm bản đồ sử dụng làm tài liệu, hồ sơ phục vụ giải quyết các thủ tục hành chính gồm: Bản đồ trích đo địa chính thửa đất do Văn phòng đăng ký đất đai hoặc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để phục vụ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đơn lẻ, thường xuyên hàng năm thì phải có chữ ký của người thực hiện đo đạc, người kiểm tra và ký duyệt của Giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT (sửa đổi Điểm 7.1 Khoản 7 Điều 22 Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT).

4. Các đơn vị sự nghiệp, tổ chức kinh tế được cấp giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ có trụ sở trên địa bàn tỉnh có chức năng kiểm tra phải có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định chất lượng công trình, sản phẩm đo đạc và bản đồ khi có yêu cầu của Sở Tài nguyên và Môi trường hoặc theo đề nghị của chủ đầu tư và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm tra, thẩm định.

5. Hồ sơ trình Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định (theo thẩm quyền) bao gồm:

a) Tờ trình đề nghị thẩm định sản phẩm của cơ quan phê duyệt Thiết kế kỹ thuật-dự toán.

b) Sản phẩm đo đạc và bản đồ dạng giấy và dạng số sau khi đã được đơn vị giám sát kiểm tra, xác nhận chất lượng.

c) Hồ sơ kiểm tra chất lượng cấp đơn vị thi công.

d) Hồ sơ kiểm tra chất lượng cấp chủ đầu tư.

đ) Bản Thiết kế kỹ thuật-dự toán kèm theo Quyết định phê duyệt.

**Điều 10. Bản đồ địa chính phục vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng**

1. Đo đạc chỉnh lý, bổ sung, đo vẽ lại bản đồ địa chính, trích đo địa chính thực hiện theo quy định tại điều 17 và điều 18 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Sau khi sản phẩm bản đồ địa chính được nghiệm thu cấp đơn vị thi công, người sử dụng đất ký Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất, , được UBND cấp xã xác nhận đo vẽ phù hợp với hiện trạng (bản đồ lập theo hiện trạng sử dụng đất) làm cơ sở thực hiện kiểm kê tài sản, lập phương án bồi thường.

Sau khi bản đồ được chỉnh lý theo kết quả rà soát, đối chiếu với hồ sơ pháp lý liên quan đến thửa đất, ranh giới, loại đất và diện tích thửa đất đủ điều kiện để đề nghị Hội đồng thẩm định phương án bồi thường phê duyệt phương án bồi thường thì cơ quan tài nguyên và môi trường kiểm tra, thẩm định, duyệt bản đồ theo quy định tại mẫu số 1, phần III, phụ lục số 01 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trường hợp các dự án thuộc danh mục Nhà nước thu hồi đất nhưng một số chủ sử dụng đất không đồng tình với chủ trương, không ký Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất (khoảng 30% số lượng thửa), phải áp dụng các biện pháp kiểm đếm bắt buộc theo các điều 22, 23, 24 của Quyết định số 10/2019/QĐ-UBND ngày 21/5/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang thì UBND cấp xã lập Biên bản xác nhận thể hiện trên bản đồ địa chính đảm bảo độ chính xác, phù hợp với hiện trạng sử dụng đất, cơ quan tài nguyên và môi trường kiểm tra, thẩm định, ký duyệt nghiệm thu theo quy định tại Khoản 6, điều 22 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

**Điều 11. Giao nộp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ**

1. Thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ được thành lập theo quy định này được giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường để quản lý, lưu trữ, cập nhật, cung cấp, khai thác theo quy định.

2. Sản phẩm, dữ liệu giao nộp được quy định trong Thiết kế kỹ thuật-dự toán hoặc Phương án thi công đã được phê duyệt.

3. Trình tự giao nộp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

a) Sản phẩm giao nộp phải được thủ trưởng các cơ quan, đơn vị: Chủ đầu tư, đơn vị thi công, đơn vị kiểm tra chất lượng và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật ký tên, đóng dấu xác nhận trong các tài liệu theo quy định, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định khối lượng, chất lượng sản phẩm và cho phép nhập kho bằng văm bản;

b) Đơn vị thi công có trách nhiệm giao nộp sản phẩm đo đạc và bản đồ, thông báo bằng văn bản kèm theo sản phẩm về việc giao nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường và đơn vị tiếp nhận khác (gọi tắt là đơn vị tiếp nhận) trong thời hạn một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo kèm theo sản phẩm, đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm nhận sản phẩm đồng thời lập Biên bản giao nộp sản phẩm với đơn vị thi công làm căn cứ thanh toán, quyết toán công trình.

c) Mẫu Biên bản thực hiện theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Mẫu số 15, phụ lục 3 của Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15/11/2018 quy định về kiểm tra, thẩm định, nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ (đối với các sản phẩm đo đạc và bản đồ chuyên ngành), phụ lục số 17 của Thông tư số 25/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 quy định về bản đồ địa chính (đối với sản phẩm đo đạc và bản đồ địa chính).

d) Đơn vị tiếp nhận có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho đơn vị thi công về địa điểm, phương thức giao nhận sản phẩm, bố trí đủ lực lượng để tiếp nhận sản phẩm trong 01 (một) ngày.

đ) Văn bản xác nhận việc giao nộp lưu trữ hoặc phiếu nhập kho của Sở Tài nguyên và Môi trường là căn cứ để quyết toán và thanh toán công trình, dự án. Các nội dung khác thực hiện theo Điều 10 của Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND ngày 19/12/2021của UBND tỉnh Bắc Giang.

**Điều 12. Cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ**

1. Việc cung cấp, khai thác, sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ thực hiện theo quy định tại Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang do UBND tỉnh Bắc Giang ban hành tại Quyết định số 71/2021/QĐ-UBND ngày 19/12/2021.

2. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bắc Giang và các chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai là đơn vị được giao quản lý, lưu trữ, cung cấp thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ địa chính.

**Chương III**

**QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

**Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý Nhà nước**

1. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành các văn bản, quy định, quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Kiểm tra, thẩm định và xác nhận bằng văn bản về năng lực của các đơn vị tham gia các hoạt động về đo đạc và bản đồ tại Điều 5 của Quy định này trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, là điều kiện để chủ đầu tư lựa chọn đơn vị thực hiện.

c) Chủ trì rà soát, xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung hoặc ban hành mới, đơn giá đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh theo quy định; tổ chức thẩm định Thiết kế kỹ thuật-dự toán các công trình, dự án đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh.

d) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của ngành và địa phương, đảm bảo không chồng chéo với kế hoạch, dự án của cơ quan quản lý nhà nước về đo đạc bản đồ và của các Bộ, ngành khác;

đ) Tổ chức, quản lý việc triển khai các hoạt động đo đạc và bản đồ theo quy hoạch, kế hoạch; quản lý hệ thống tư liệu đo đạc và bản đồ trên toàn tỉnh; quản lý việc bảo mật, lưu trữ, cung cấp khai thác sử dụng thông tin tư liệu đo đạc và bản đồ; quản lý việc bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc và bản đồ theo quy định;

e) Trực tiếp hoặc giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ tổ chức thẩm định và lập Báo cáo thẩm định hồ sơ, sản phẩm đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh làm cơ sở cho Chủ đầu tư nghiệm thu công trình.

g) Thẩm định hồ sơ và đề nghị Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam cấp mới, cấp bổ sung hoặc thu hồi giấy phép hoạt động đo đạc và bản đồ cho các tổ chức; kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ của các tổ chức và cá nhân theo quy định; Cấp mới, gia hạn, thu hồi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II theo quy định tại điều 53 của Luật Đo đạc và Bản đồ năm 2018.

h) Quản lý và tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật, khai thác hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật đo đạc và bản đồ; tiếp nhận, lưu trữ, cập nhật, công bố và cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, các thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ do Bộ Tài nguyên và Môi trường bàn giao;

i) Theo dõi việc xuất bản, phát hành bản đồ và kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đình chỉ phát hành, thu hồi các ấn phẩm bản đồ có sai sót về địa giới hành chính, địa danh thuộc tỉnh; ấn phẩm bản đồ có sai sót về kỹ thuật;

k) Phối hợp với Sở Nội vụ và các cơ quan có liên quan trong việc xây dựng và quản lý bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, giải quyết tranh chấp về địa giới hành chính các cấp;

l) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức trực tiếp bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật có liên quan đến bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; công bố công khai mốc giới, ranh giới hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; kịp thời xử lý những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ công trình hạ tầng đo đạc; đề xuất việc di dời mốc đo đạc trên diện tích đất đã giao cho cơ quan, tổ chức thực hiện theo quy định của Chính phủ.

m) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh hàng năm báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường về hoạt động đo đạc, bản đồ thuộc phạm vi quản lý của địa phương;

n) Hướng dẫn hoạt động đo đạc và bản đồ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo và giao Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện:

a) Chủ trì triển khai tổ chức phổ biến Luật Đo đạc và bản đồ đến Uỷ ban nhân dân cấp xã.

b) Phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện tốt công tác quản lý và triển khai hoạt động đo đạc và bản đồ tại địa phương theo quy định;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, dự án về đo đạc và bản đồ của địa phương, đảm bảo phù hợp với kế hoạch, dự án của Ủy ban nhân dân tỉnh và triển khai thực hiện sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

d) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã cắm mốc giới và bàn giao đất cho hộ gia đình, cá nhân được nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

đ) Thực hiện các nhiệm vụ được ủy quyền.

e) Hàng năm báo cáo về hoạt động đo đạc và bản đồ, tình trạng công trình hạ tầng đo đạc gửi Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Tổ chức tuyên truyền phổ biến đến mọi công dân có ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ;

b) Ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền đối với các trường hợp vi phạm các quy định của pháp luật về hoạt động đo đạc, bản đồ và bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc, bản đồ tại địa phương;

c) Phối hợp với các ngành để tiếp nhận, quản lý hệ thống bản đồ, hồ sơ địa giới hành chính, mốc quy hoạch xây dựng, giao thông theo quy định.

4. Văn phòng Đăng ký đất đai, Trung tâm Lưu trữ và Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổ chức lưu trữ, quản lý, khai thác, cập nhật và sử dụng dữ liệu về đo đạc và bản đồ theo quy định.

**Điều 14. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ và pháp luật có liên quan khác khi tham gia hoạt động Đo đạc và bản đồ.

2. Chủ đầu tư và đơn vị thi công công trình đo đạc và bản đồ có trách nhiệm lập hồ sơ và bàn giao công trình cho Ủy ban nhân dân xã nơi đặt công trình theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ các công trình xây dựng đo đạc theo quy định của pháp luật.

4. Không được cản trở hoặc gây khó khăn cho người có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ về đo đạc và bản đồ.

5. Đề xuất và kiến nghị với cơ quan quản lý nhà nước về xuất bản đình chỉ phát hành hoặc thu hồi: Các ấn phẩm bản đồ có sai sót về việc thể hiện địa giới hành chính, địa danh; sản phẩm bản đồ có sai sót nghiêm trọng về kỹ thuật; sản phẩm bản đồ có nội dung thuộc phạm vi nghiêm cấm theo quy định của Luật Xuất bản.

**Điều 15. Điều khoản thi hành**

1. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tổ chức thi hành Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện quy định này, nếu phát sinh vướng mắc, các ngành, địa phương, đơn vị và cá nhân có liên quan phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.